

VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Điều hướng trong vùng nhiễu động

Bối cảnh
thế giới



Động lực
tăng trưởng



Triển vọng
thị trường



Nguyễn Thị Bảo Trân tran.ntb@miraeasset.com.vn

Trần Thị Ngọc Hoà hoa.ttn@miraeasset.com.vn

NỘI DUNG

1 Bối cảnh đầu tư

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

3 Triển vọng

4 VN100: Các chỉ số định giá chính



Ba rủi ro trọng yếu năm 2026

Những yếu tố tích cực đang thúc đẩy chu kỳ tăng trưởng hiện tại vẫn đến từ **chính sách tiền tệ nới lỏng từ các Ngân hàng Trung ương (NHTƯ) lớn** và **chu kỳ đầu tư (Capex) vào phát triển trí tuệ nhân tạo (AI)**. Dù vậy, việc quản trị rủi ro, đặc biệt trước các rủi ro địa chính trị khó lường, cần được ưu tiên. Những cú sốc chuỗi cung ứng khiến **áp lực lạm phát do chi phí đẩy gia tăng**. Trong trường hợp đặc biệt xấu, các NHTƯ có thể phải ngưng xu hướng nới lỏng hiện tại hoặc đảo chiều chính sách, dẫn đến rủi ro đình lạm (stagflation) gia tăng. Thêm vào đó, **kịch bản AI hạ nhiệt (AI hype deflation)** có thể xảy ra khi tốc độ đầu tư chậm lại do lo ngại dư thừa công suất hoặc tỷ suất sinh lời không như kỳ vọng ban đầu cũng có thể mang đến một rủi ro lớn cho thị trường toàn cầu.

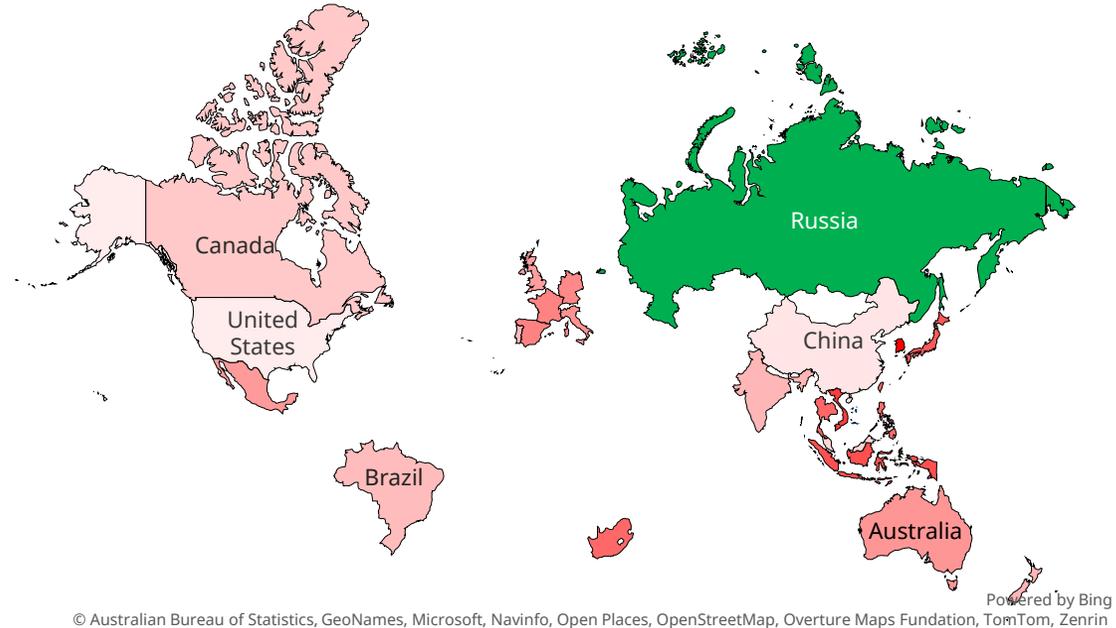
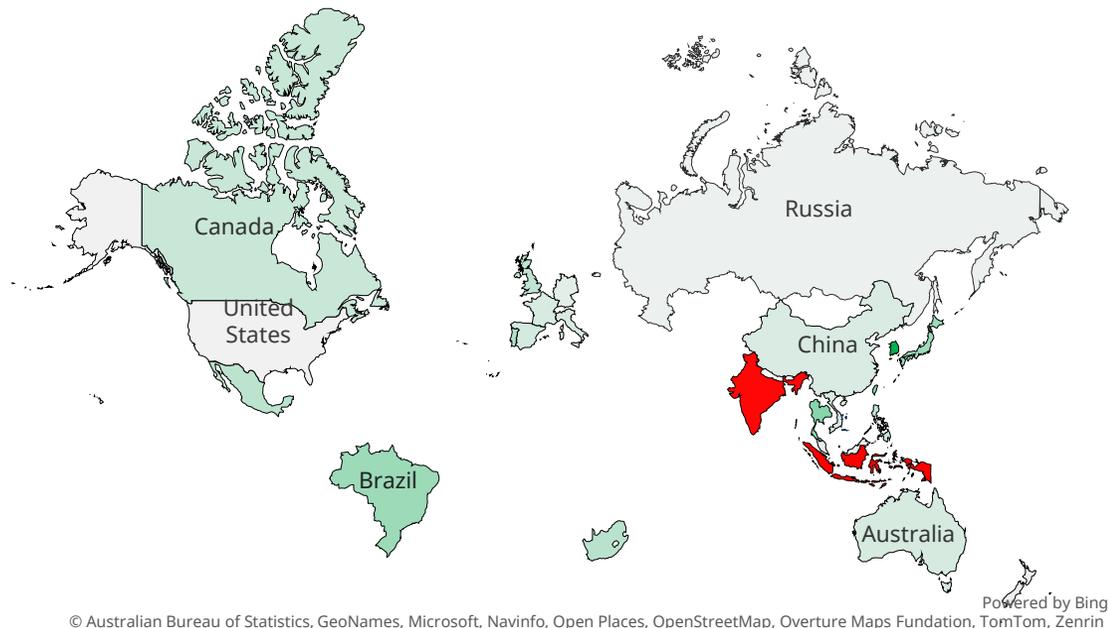
| Rủi ro | Kịch bản giả định | Tác động có thể xảy ra |
|----------------------------|--|---|
| Địa chính trị | Những cú sốc chuỗi cung ứng (có thể do các chính sách bảo hộ thương mại hoặc các căng thẳng địa chính trị...) khiến lạm phát do chi phí đẩy gia tăng (làm giảm sức mua của người tiêu dùng trong khi làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp). | Xu hướng dịch chuyển từ các tài sản rủi ro (như cổ phiếu) sang trú ẩn ở các tài sản an toàn cao (như Vàng) gia tăng. Áp lực lạm phát gia tăng khiến các NHTƯ ngưng xu hướng nới lỏng hiện tại hoặc đảo chiều chính sách, dẫn đến rủi ro đình lạm (tăng trưởng đình trệ trong khi lạm phát cao). |
| Đầu tư AI hạ nhiệt | Kịch bản AI hạ nhiệt (AI hype deflation) có thể xảy ra khi tốc độ đầu tư vốn chậm lại do lo ngại dư thừa công suất hoặc tỷ suất sinh lời không như kỳ vọng ban đầu , hoặc lợi nhuận báo cáo thực tế của các doanh nghiệp công nghệ thấp hơn so với mức kỳ vọng cao của thị trường. | Tốc độ đầu tư vốn chậm lại hoặc lợi nhuận báo cáo thực tế của các doanh nghiệp công nghệ thấp hơn kỳ vọng của thị trường có thể kích hoạt đợt điều chỉnh của cổ phiếu công nghệ, khiến các thị trường có tính tập trung vốn hóa cao ở nhóm công nghệ điều chỉnh mạnh. |
| Bẫy đình lạm “stagflation” | Áp lực lạm phát cao (có thể do tác động từ thuế quan) khiến việc cắt giảm lãi suất của Fed bị trì hoãn (hoặc thậm chí là thay đổi lộ trình đã hoạch định). | Sự đảo chiều chính sách theo hướng điều hâu (hawkish) sẽ đẩy lợi suất trái phiếu tăng cao , tạo áp lực giảm giá đáng kể lên định giá cổ phiếu, đặc biệt là nhóm cổ phiếu tăng trưởng có định giá dựa trên dòng tiền tương lai. Đồng thời, điều này cũng sẽ làm gia tăng chi phí vốn của doanh nghiệp. |

Thị trường cổ phiếu thế giới đảo chiều giảm mạnh từ đầu tháng 3 do chiến tranh Trung Đông

- Tính đến ngày 11/3, chiến tranh Trung Đông đã kéo dài sang ngày thứ 12. Chiến sự lan rộng với nhiều cuộc tấn công vào hạ tầng năng lượng tại nhiều nước ở Trung Đông – nơi cung cấp gần 35% dầu thô và 24% LNG thế giới, việc đóng cửa eo biển Hormuz (de-facto closure) – tuyến đường vận chuyển 20-25% dầu thô và 20% LNG thế giới, làm gia tăng rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng và giá cả hàng hoá tăng vọt trong thời gian ngắn.
- Áp lực lạm phát "chi phí đẩy" gia tăng làm giảm sức mua của người tiêu dùng trong khi làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Theo nghiên cứu của Fed, giá dầu tăng 10% sẽ làm tăng thêm lần lượt 0,1 và 0,4 điểm phần trăm vào lạm phát cơ bản và lạm phát tổng. Từ đó, sự thận trọng của thị trường đối với lộ trình nới lỏng chính sách của Fed ngày càng tăng, với mức kỳ vọng cắt giảm 50 điểm cơ bản lãi suất được lùi về nửa cuối năm 2026. Áp lực lạm phát gia tăng cũng sẽ khiến các NHTƯ khác ngưng xu hướng nới lỏng hiện tại hoặc đảo chiều chính sách. Tuy nhiên, mức độ tác động đến lạm phát toàn cầu phụ thuộc rất lớn vào thời gian kéo dài của cuộc chiến.

Thị trường cổ phiếu thế giới tăng tích cực trong 2 tháng đầu năm 2026

Ngoại trừ Nga, thị trường thế giới đã giảm mạnh khi chiến tranh xảy ra

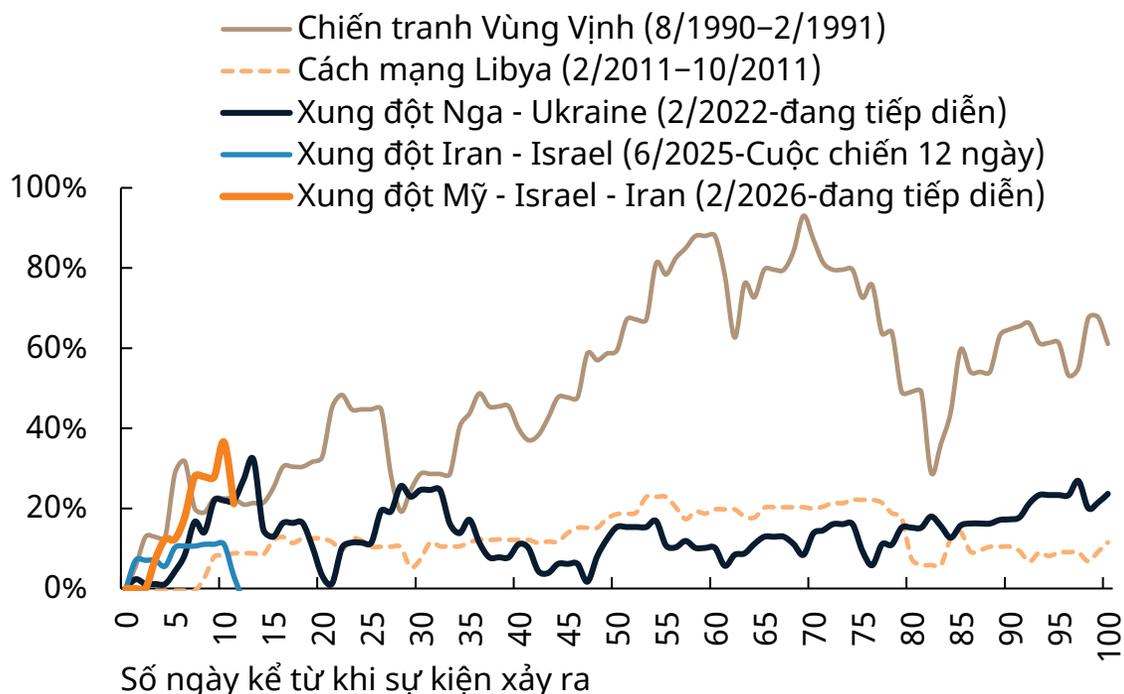


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 9/3/2026

Phân tích biến động giá dầu và thị trường chứng khoán do các cú sốc chiến tranh từ 1990 đến nay

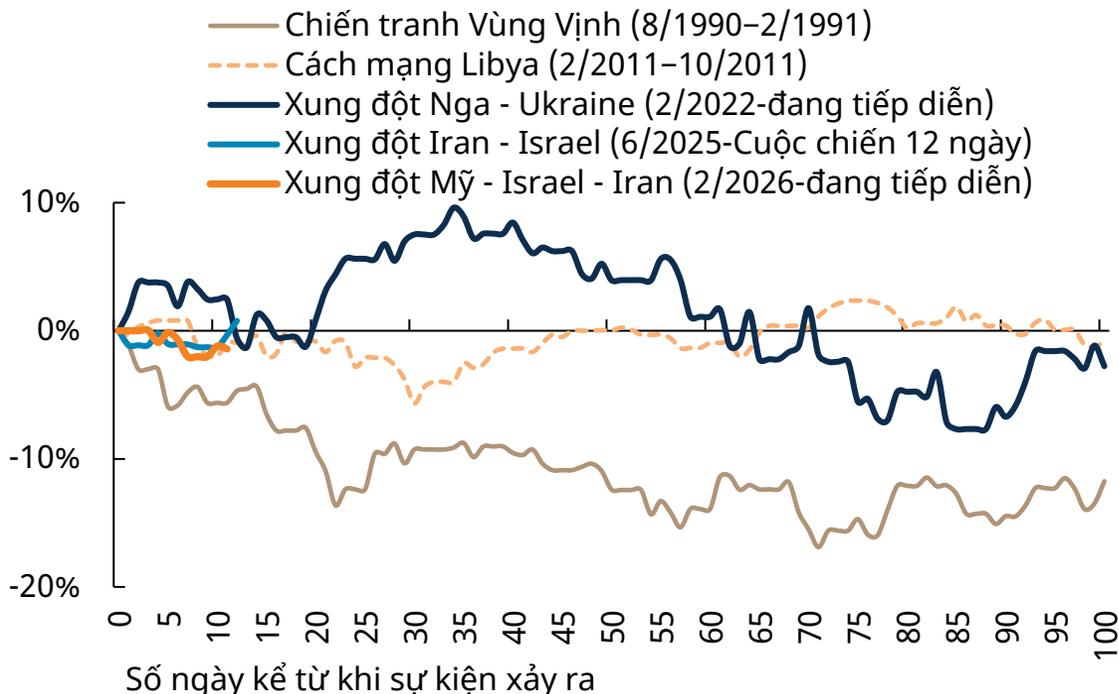
- **Kịch bản lạc quan: Chiến tranh Trung Đông sẽ hạ nhiệt sau 4 - 5 tuần.** Chúng tôi giả định xác suất diễn ra là khoảng 60% do cân nhắc các yếu tố: 1) Cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ của Mỹ sẽ diễn ra vào đầu tháng 11; 2) Dữ liệu thị trường lao động Mỹ cho thấy xu hướng đang hạ nhiệt, tuy nhiên, Fed có thể phải hoãn việc giảm lãi suất nếu áp lực lạm phát tăng cao. **Trong kịch bản này, chúng tôi kỳ vọng giá dầu sẽ hạ nhiệt từ mốc 100 USD/thùng xuống 80 - 85 USD/thùng, do đó, áp lực lạm phát vẫn có thể kiểm soát được và Fed vẫn giảm lãi suất 50 điểm cơ bản trong năm 2026.**
- **Ngược lại, chiến tranh kéo dài hơn 5 tuần sẽ có tác động nghiêm trọng đến kinh tế toàn cầu:** lạm phát do chi phí đẩy, chi phí sản xuất tăng, tiêu dùng suy giảm. Áp lực lạm phát gia tăng khiến các NHTƯ ngưng xu hướng nới lỏng hiện tại hoặc đảo chiều chính sách, dẫn đến rủi ro đình lạm gia tăng.

Giá dầu thường tăng sốc trong 2 tuần đầu, sau đó dần ổn định trở lại



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, **cập nhật tới 10/3/2026**

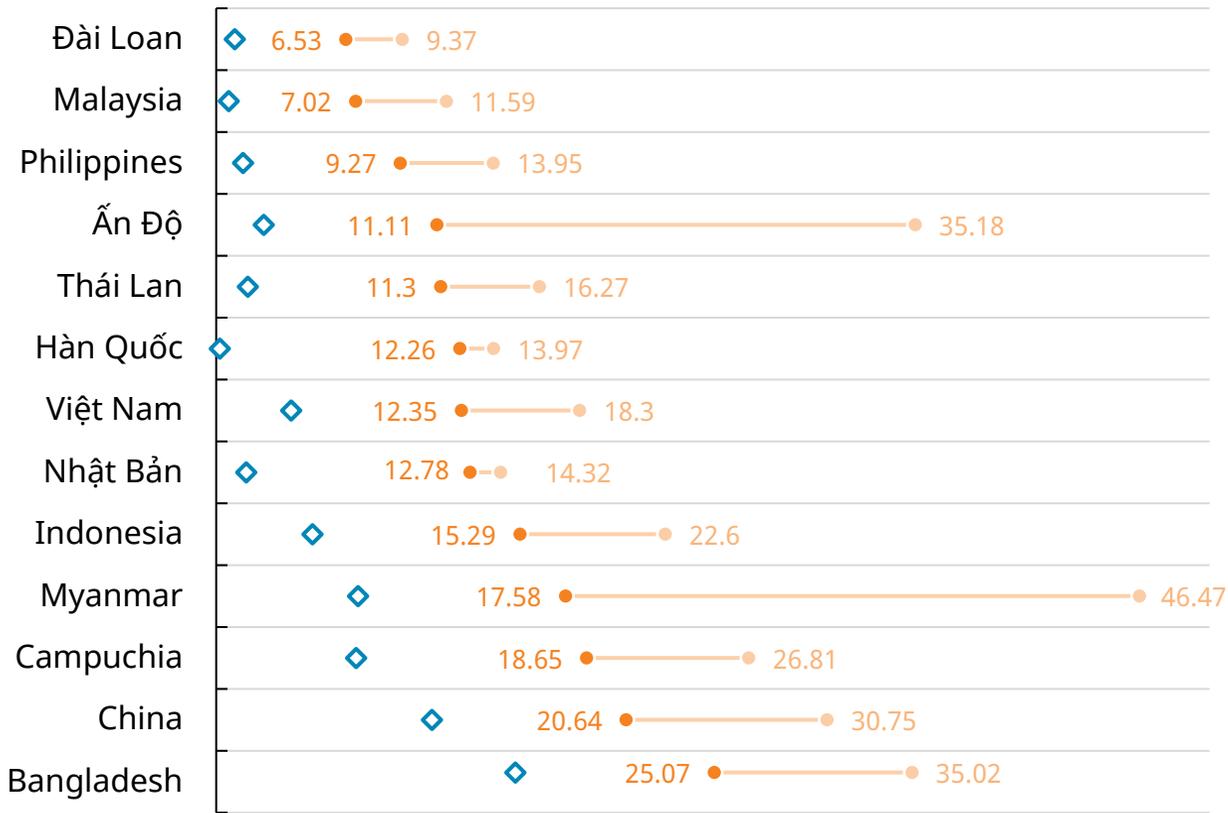
Chỉ số S&P 500: Thị trường cổ phiếu thường giảm trong 2 - 3 tuần đầu



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, **cập nhật tới 10/3/2026**

Rủ ro thuế quan vẫn là biến số cần theo dõi trong năm 2026

- Ước tính các thay đổi kể từ ngày 24/2/2026
- Mức trước đó (ngày 7/2/2026)
- ◊ Trước Thương chiến 2.0



- **Thuế đối ứng sẽ ngừng thu từ 24/2:** Các loại thuế quan được áp đặt theo Đạo luật Quyền hạn kinh tế khẩn cấp quốc tế (IEEPA) được ngừng thu. Thay vào đó, **Tổng thống Donald Trump đã ký sắc lệnh áp thuế bổ sung 10% đối với hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ Dựa trên Mục 122 của Đạo luật Thương mại năm 1974, kéo dài trong 150 ngày, có hiệu lực cùng ngày 24/2.**
- **Dù vậy, rủi ro thuế quan vẫn là biến số cần theo dõi trong năm 2026.**
- Theo ước tính của Bloomberg Economics (sử dụng dữ liệu nhập khẩu của Mỹ năm 2024 ở cấp độ chi tiết mã HS-10 theo từng đối tác), **mức thuế trung bình đối với hàng hóa Việt Nam có thể giảm xuống từ 18,3% xuống 12,35% sau các thay đổi kể từ ngày 24/2.**
 - **Đối với xuất khẩu của Việt Nam,** xu hướng "Front-loading" (đẩy mạnh xuất khẩu sớm) được thúc đẩy nhờ áp lực thuế quan giảm bớt trong ngắn hạn trước khi có sự thay đổi chính sách sau thời hạn 150 ngày.
 - **Với triển vọng thu hút FDI của Việt Nam,** so sánh mức thuế Mỹ áp lên hàng hoá Việt Nam với một số quốc gia lân cận cho thấy **Việt Nam vẫn giữ được lợi thế tương đối trong việc thu hút FDI dài hạn.** Bên cạnh 17 FTA đã ký kết, Việt Nam liên tục nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện (CSP) với tổng cộng 15 quốc gia (cụ thể là ký kết thêm với 5 quốc gia trong năm 2025 và với EU (đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam) vào đầu năm 2026).

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Tổng quan diễn biến thị trường từ đầu năm 2026

Chỉ số VN-Index đã tăng điểm tích cực 5,4% trong 2 tháng đầu năm trong bối cảnh kết quả kinh doanh quý 4/2025 tích cực (+45% YoY), cũng như phản ánh kỳ vọng lớn của thị trường vào chính sách phát triển khối kinh tế Nhà nước (Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 6/1/2026) và thoái vốn Nhà nước (Nghị định 57/2026/NĐ-CP ngày 13/2/2026).

| 2 tháng đầu năm 2026 | |
|---------------------------|--------------|
| VN-Index | 5,4% |
| Dầu khí | 73,3% |
| Bảo hiểm | 33,6% |
| Tiện ích | 31,5% |
| Nguyên vật liệu | 20,0% |
| Dịch vụ tài chính | 11,9% |
| Ngân hàng | 7,5% |
| Vận tải | 2,5% |
| Tiêu dùng không thiết yếu | 0,9% |
| CNTT | -2,8% |
| Bất động sản | -3,1% |
| Tiêu dùng thiết yếu | -4,9% |
| Xây dựng cơ bản | -5,6% |

Chiến tranh Trung Đông đã kích hoạt làn sóng bán tháo trên thị trường, với chỉ số VN-Index đã giảm hơn 8% kể từ đầu tháng 3 đến ngày 11/3). Ngành Dầu khí tiếp tục tăng điểm trong bối cảnh giá dầu tăng cao. Các ngành còn lại đều giảm điểm, dẫn đầu là ngành CNTT, Bất động sản, Xây dựng cơ bản, và Ngân hàng.

| Tháng 3/2026 (tính đến ngày 11/3) | |
|-----------------------------------|--------------|
| VN-Index | -8,1% |
| Dầu khí | 9,2% |
| Tiêu dùng thiết yếu | -3,9% |
| Tiện ích | -4,2% |
| Dịch vụ tài chính | -4,5% |
| Nguyên vật liệu | -4,6% |
| Tiêu dùng không thiết yếu | -6,4% |
| Vận tải | -7,1% |
| Bảo hiểm | -7,6% |
| Ngân hàng | -7,8% |
| Xây dựng cơ bản | -10,0% |
| Bất động sản | -13,2% |
| CNTT | -13,6% |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 11/03/2026

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Kết quả kinh doanh quý 4/2025 tích cực, thúc đẩy thị trường tăng điểm trong 2 tháng đầu năm

| Phân ngành GICS | Tỷ trọng vốn hóa | Vốn hóa từ 2025 | Thay đổi | | | | Tăng trưởng LNST | | | Tăng trưởng LNST (% YoY) | | | |
|---------------------------|------------------|-----------------|----------|--------|--------|--------|------------------|-------|------|--------------------------|------|------|------|
| | | | T3/2026 | 2T2026 | 2026 | 2025 | 2023 | 2024 | 2025 | 1Q25 | 2Q25 | 3Q25 | 4Q25 |
| VN-Index | 100% | | -8.1% | 5.4% | -3.1% | 40.9% | -6% | 19% | 28% | 10% | 32% | 23% | 45% |
| Ngân hàng | 31.7% | | -7.8% | 7.5% | -0.9% | 23.2% | 4% | 19% | 16% | 14% | 16% | 22% | 12% |
| Bất động sản | 23.4% | | -13.2% | -3.1% | -15.9% | 227% | -7% | -2% | 57% | 24% | 183% | -54% | 176% |
| Tiêu dùng thiết yếu | 7.8% | | -3.9% | -4.9% | -8.6% | 11.6% | -14% | 18% | 17% | 2% | 18% | 13% | 26% |
| Dịch vụ tài chính | 6.6% | | -4.5% | 11.9% | 6.9% | 14.9% | 44% | 32% | 73% | 7% | 29% | 170% | 92% |
| Nguyên vật liệu | 6.4% | | -4.6% | 20.0% | 14.5% | -0.5% | -41% | 45% | 29% | 17% | 29% | 59% | 13% |
| Tiện ích | 4.9% | | -4.2% | 31.5% | 26.0% | 21.5% | -29% | -21% | 61% | 72% | 83% | 12% | 97% |
| Tiêu dùng không thiết yếu | 4.8% | | -6.4% | 0.9% | -5.6% | 40.0% | -68% | 143% | 64% | -30% | 142% | 67% | 168% |
| Xây dựng cơ bản | 4.1% | | -10.0% | -5.6% | -15.0% | 8.2% | -13% | 41% | 45% | 7% | 6% | 182% | 18% |
| Dầu khí | 3.6% | | 9.2% | 73.3% | 89.3% | -35.1% | -24% | -56% | 79% | -63% | 12% | 622% | 342% |
| Vận tải | 3.5% | | -7.1% | 2.5% | -4.8% | 103% | 116% | 1386% | 12% | -11% | 83% | 2% | -9% |
| CNTT | 1.8% | | -13.6% | -2.8% | -16.0% | -24.2% | 22% | 21% | 20% | 22% | 20% | 19% | 18% |
| Bảo hiểm | 0.8% | | -7.6% | 33.6% | 23.5% | 9.8% | 23% | 7% | 31% | 17% | 34% | 56% | 20% |

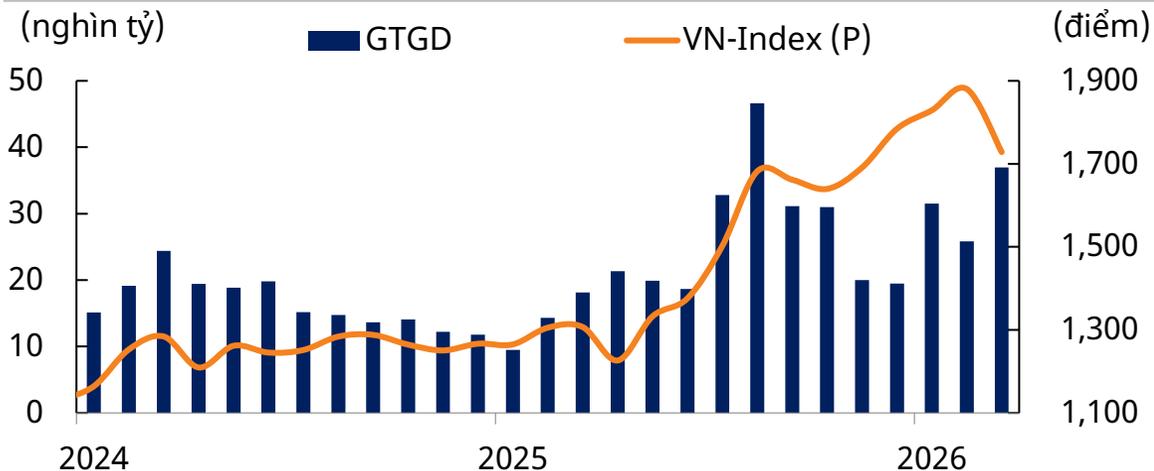
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 11/03/2026

Phản ứng của chỉ số VN-Index trước các sự kiện/thông tin quan trọng trong và ngoài nước



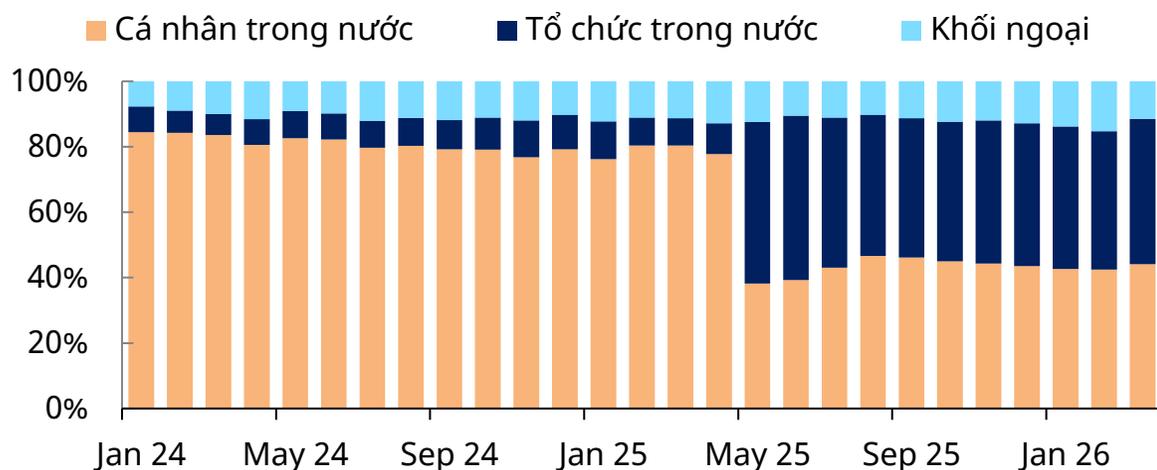
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Fiinpro, cập nhật tới 9/3/2026

Tháng 2/2026, VN-Index ghi nhận mức cao mới, thanh khoản gia tăng



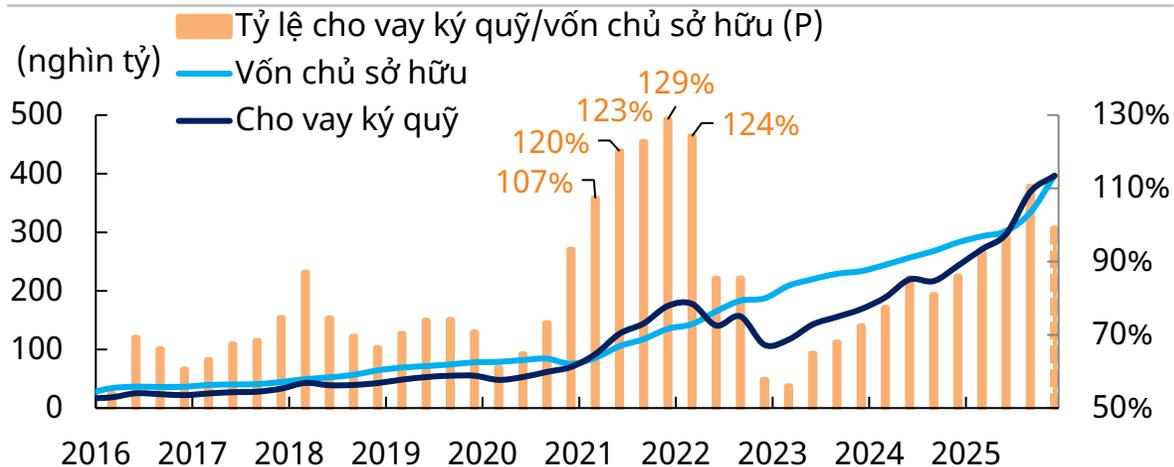
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Fiinpro, cập nhật tới 11/03/2026

Tỷ trọng giao dịch: Cá nhân và Tổ chức trong nước chiếm lần lượt 43%



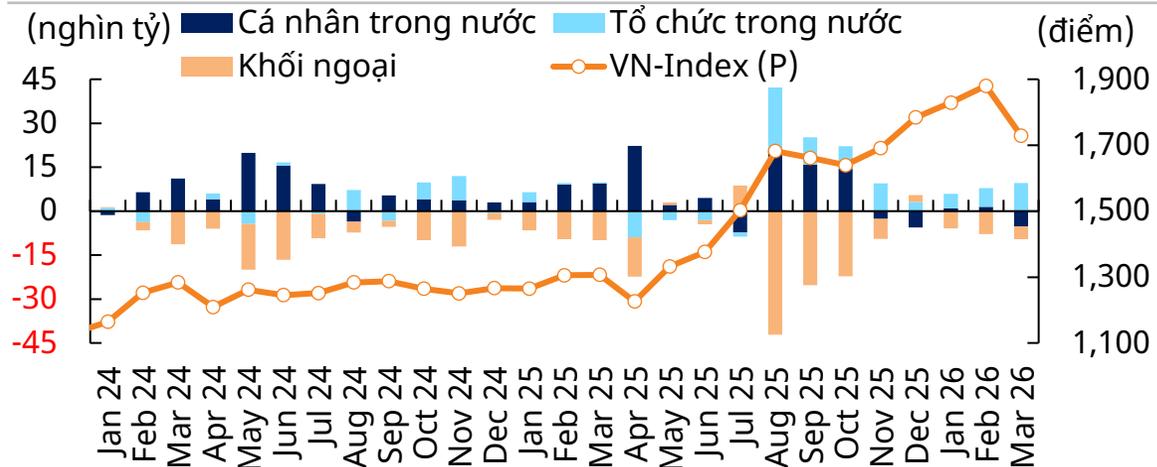
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Fiinpro, cập nhật tới 11/03/2026

Giá trị vay ký quỹ vượt 396 nghìn tỷ đồng (~100% vốn chủ sở hữu CTCK)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Fiinpro, cập nhật tới tháng 12/2025.

Tổ chức trong nước mua ròng, Khối ngoại tiếp tục bán ròng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Fiinpro, cập nhật tới 11/03/2026

Chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao trong giai đoạn 2026 – 2030: 10%/năm

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều rủi ro cần thận trọng ứng phó, **Việt Nam đang quyết tâm thúc đẩy đồng bộ các động lực tăng trưởng kinh tế bằng cách mở rộng đồng thời cả chính sách tài khoá và tiền tệ, đưa ra các chính sách chuyên biệt phát triển 3 khối kinh tế Nhà nước–Tư nhân–FDI.**

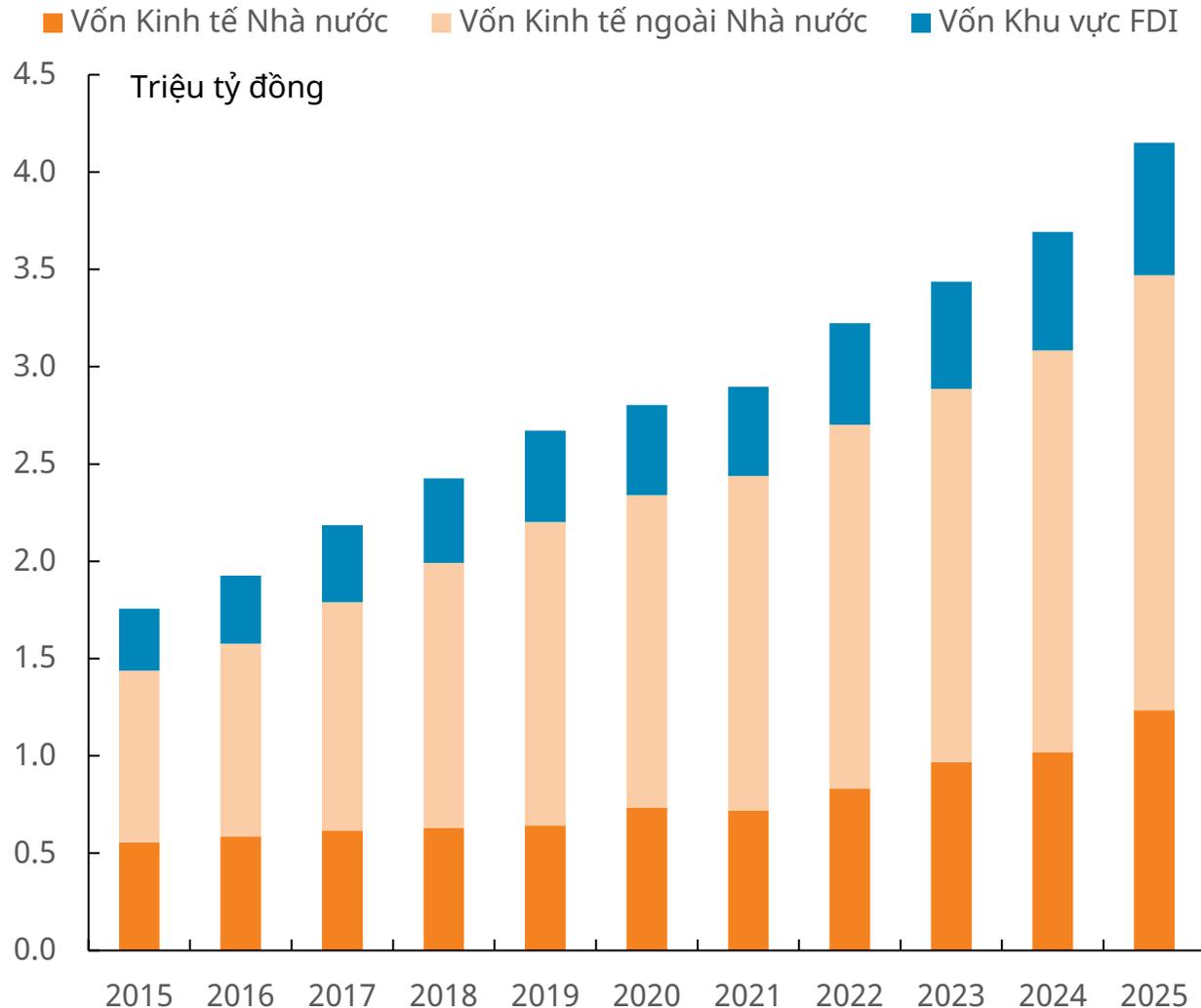
- **Siêu chu kỳ hạ tầng:** Đầu tư công giai đoạn 2026–2030 có thể lên đến 8,5 triệu tỷ đồng (tăng 166% so với giai đoạn 2021–2025). Các cải cách thể chế đã giúp thúc đẩy tiến độ giải ngân cho các dự án trọng điểm. Các dự án hạ tầng chiến lược quy mô lớn sẽ tạo động lực tăng trưởng kinh tế bền vững.
- **Phát triển kinh tế tư nhân:** Nhằm hiện thực hóa khát vọng 2045 của Việt Nam, quy mô vốn đầu tư cần cho giai đoạn phát triển tiếp theo cần có sự gia tăng đầu tư từ khu vực tư nhân, giúp giảm bớt gánh nặng vào ngân sách công và nâng cao hiệu quả thực thi dự án. Các cải cách cấu trúc sẽ giúp huy động vốn hiệu quả đầu tư từ khu vực tư nhân, tiêu biểu như khung pháp lý Đối tác công tư (PPP) mới.
- **Thu hút vốn FDI:** Nhờ vào các lợi thế về vị trí địa lý, ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế cao, thị trường tiêu dùng lớn, nguồn nhân lực dồi dào và chi phí sản xuất tương đối thấp, **Việt Nam vốn là điểm đến đầu tư hấp dẫn với tốc độ tăng trưởng kép của vốn giải ngân giai đoạn 2021–2025 lên đến 8,8%/năm.** Do rủi ro địa chính trị gia tăng, các tập đoàn đa quốc gia đang đẩy mạnh đa dạng hóa hoạt động sản xuất, thúc đẩy các xu hướng như đưa sản xuất trở về nước (reshoring), chuyển sản xuất sang các quốc gia lân cận (nearshoring) và đa dạng hóa chuỗi cung ứng—mở ra những cơ hội lâu dài cho các nền kinh tế có vị thế là trung tâm sản xuất thay thế. Trước xu hướng này, Việt Nam đưa ra chiến lược hút dòng vốn FDI chất lượng cao và nâng cao năng lực sản xuất trong nước (mục tiêu 2030: tăng tỷ lệ nội địa hóa lên hơn 40%). Điểm tích cực mới được các doanh nghiệp FDI đánh giá cao là **Luật Đầu tư 2025** chính thức có hiệu lực từ tháng 3; cụ thể, nhà đầu tư được phép thành lập tổ chức kinh tế trước khi được cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC) giúp rút ngắn thời gian gia nhập thị trường.
- **Thúc đẩy tiêu dùng:** Với mục tiêu đưa Việt Nam thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, Việt Nam đặt mục tiêu đưa mức thu nhập bình quân đầu người tăng từ mức 5026 USD năm 2025 lên 8500 USD năm 2030, do đó, tiềm năng của ngành tiêu dùng nói chung là rất lớn. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thị trường bất động sản hồi phục là 2 yếu tố chính giúp khôi phục sức mua của người dân. Việc gia tăng mức giảm trừ gia cảnh gần 41% so với trước đây trong tính thuế thu nhập cá nhân năm 2026 sẽ giúp cải thiện sức mua của tầng lớp trung lưu.

Mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ: Bước tiến đột phá từ năm 2026

| Các chỉ tiêu kinh tế chính | 2024 | 2025 | Kế hoạch 2026 |
|--|--------------|--------------|--------------------|
| Tốc độ tăng trưởng GDP | 7,04% | 8,02% | 10% trở lên |
| GDP bình quân đầu người (USD) | 4.700 | 5.026 | 5.400–5.500 |
| CPI bình quân (%) | 3,63 | 3,31 | 4,5 |
| Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân (%) | 5,9 | 6,8 | 8,5 |
| Tăng trưởng xuất khẩu (%) | 14,3 | 17,0 | Khoảng 15–16 |
| Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (%) | 8,3 | 9,2 | Khoảng 12–14 |
| Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (%) | 9,0 | 9,2 | 13–15 |
| Khách du lịch quốc tế (Triệu lượt) | 17,6 | 21,2 | 25 |
| Khách du lịch trong nước (Triệu lượt) | 110 | 137 | 150 |
| Chi đầu tư phát triển/tổng chi NSNN (%) | 28,9 | 30,5 | 35,5 |
| Chi thường xuyên/tổng chi NSNN (%) | 65,0 | 64,7 | 57,3 |
| Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (% GDP) | 32,1 | 32,3 | Khoảng 35 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Cục thống kê quốc gia, Ghi chú: **Kế hoạch tăng trưởng năm 2026 được tổng hợp từ Nghị quyết 01/NQ-CP về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026**

Các chính sách chuyên biệt thúc đẩy phát triển đồng bộ 3 khối kinh tế Nhà nước-Tư nhân-FDI



Khu vực ngoài Nhà nước

Quy mô 2025: 2,2 triệu tỷ đồng (tỷ trọng: 54%)

Ngày 4/5/2025: Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân với mục tiêu tăng trưởng bình quân 10-12%/năm và đóng góp 55-58% GDP vào năm 2030.

Khu vực Nhà nước

Quy mô 2025: 1,2 triệu tỷ đồng (tỷ trọng: 30%)

Ngày 6/1/2026: Nghị quyết 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước với mục tiêu đến năm 2030 sẽ có: 50 DNNN vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á; 1-3 DNNN vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới; 3 NHTMNN thuộc nhóm 100 ngân hàng lớn nhất khu vực châu Á.

Khu vực FDI

- Quy mô 2025:** 679 nghìn tỷ đồng (tỷ trọng: 16%)

- Nghị quyết về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài** đã được trình Bộ Chính trị.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Niên giám thống kê

Cơ cấu lại vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo Nghị định 57/2026/NĐ-CP (13/2/2026)

20 doanh nghiệp Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ cấu lại vốn Nhà nước

- (1) Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng quốc gia Việt Nam (PVN)
- (2) Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
- (3) Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
- (4) Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- (5) Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem)
- (6) Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - VRG (GVR)
- (7) Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)
- (8) Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
- (9) Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines - HVN)
- (10) Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC - MVN)
- (11) Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (VNR)
- (12) Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)
- (13) Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV)
- (14) Tổng Công ty Cà phê Việt Nam
- (15) Tổng Công ty Lương thực miền Nam (VSF)
- (16) Tổng Công ty Lương thực miền Bắc (Vinafood1)
- (17) Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam (Vinafor)
- (18) Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
- (19) Tập đoàn Bảo Việt (BVH)
- (20) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)

- **Mục tiêu:** Tăng cường hiệu quả kinh doanh, năng lực hoạt động, và cạnh tranh của doanh nghiệp.
- **Nhà đầu tư chiến lược** phải có năng lực tài chính (có lãi trong 2 năm gần nhất, không có lỗ lũy kế) và năng lực quản trị hoặc công nghệ trong lĩnh vực cốt lõi tối thiểu 3 năm. Cam kết duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu ít nhất 3 năm, đồng thời không chuyển nhượng cổ phần trong thời gian này.
- **Thúc đẩy minh bạch và niêm yết trên thị trường chứng khoán:** Nghị định yêu cầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng và thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM hoặc niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.
- **Công khai và đấu giá cạnh tranh trong chuyển nhượng vốn:** Việc bán cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch và thu hồi vốn ở mức cao nhất.

Các giải pháp nâng hạng Thị trường chứng khoán Việt Nam: Lộ trình đi đến mục tiêu 2030

FTSE thị trường mới nổi thứ cấp

- Tỷ trọng kỳ vọng: **0,3%**
- Quỹ đầu tư thụ động: **1 tỷ USD**
- Quỹ đầu tư chủ động: **5 tỷ USD**

(*) Thông báo nâng hạng ngày 8/10/2025 sẽ được xem xét thêm vào kỳ đánh giá tháng 3/2026 trước khi có hiệu lực từ ngày 21/9/2026.

Tháng 9/2026

MSCI thị trường mới nổi

- **Mức độ sở hữu nước ngoài và FOL**
- Quyền bình đẳng cho NĐT nước ngoài
- **Tự do hóa thị trường ngoại hối**
- Đăng ký và mở tài khoản
- Quy định thị trường
- Minh bạch Thông tin
- Thanh toán bù trừ
- Khả năng chuyển nhượng

2030

Trước 3/2026

- **11/2024:** NĐT tổ chức nước ngoài không cần ký quỹ 100% khi giao dịch mua cổ phiếu (NPF)
- **5/2025:** Vận hành hệ thống giao dịch **KRX**
- **2/2026: Thông tư 08/2026/TT-BTC**

2026-2027

Rà soát quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (FOL) và đưa ra khỏi danh mục những ngành nghề không cần thiết hạn chế về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

2027

Phát triển hạ tầng thanh toán, bù trừ tiên tiến đáp ứng cơ chế thanh toán giao dịch không yêu cầu ký quỹ 100%, cơ chế **Đối tác Bù trừ Trung tâm (CCP)**

2026-2030

Phát triển thị trường ngoại hối, cho phép triển khai các công cụ phòng ngừa rủi ro trên thị trường ngoại hối đối với hoạt động đầu tư gián tiếp.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Xem chi tiết **đề án nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam** tại **Quyết định 2014/QĐ-TTg** ngày 12/9/2025.

Thông tư 08/2026/TT-BTC (ngày 03/02/2026): Sẵn sàng cho kỳ đánh giá giữa kỳ của FTSE Russell

Thông tư 08/2026/TT-BTC giúp thị trường vốn Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn then chốt để FTSE Russell nâng hạng và giải quyết một số quan ngại của MSCI về khả năng tiếp cận thị trường, tính tin cậy của cơ chế thanh toán bù trừ và tính minh bạch trong vận hành.

- **Bổ sung phương thức giao dịch qua Global Brokerage:** Nhà đầu tư nước ngoài đặt lệnh giao dịch thông qua tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đại diện để chuyển lệnh vào các công ty chứng khoán trong nước.
- **Tối ưu hóa cơ chế không yêu cầu ký quỹ trước (Non-pre-funding - NPF):** Không giới hạn mã chứng khoán được giao dịch NPF. Đồng thời, bãi bỏ quy định công bố thông tin đại chúng khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán NPF; thay vào đó, công ty chứng khoán có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho SSC – VSDC – VNX ngay trong ngày vi phạm. Các chế tài xử phạt cũng được siết chặt với thời gian đình chỉ giao dịch NPF từ 7 ngày (vi phạm lần đầu) đến 180 ngày (vi phạm nghiêm trọng 3 lần/30 ngày).
- **Cơ chế giảm thiểu rủi ro thanh toán:** Thiết lập khung xử lý rủi ro thông qua thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo chuyển giao quyền sở hữu và thu hồi chi phí khi nhà đầu tư lỗi thanh toán.

Triển vọng ngắn hạn: Nâng hạng bởi FTSE Russell

FTSE Russell sẽ đưa Việt Nam vào rổ chỉ số Secondary EM vào tháng 9 tới nếu kết quả đánh giá giữa kỳ (công bố vào đầu tháng 4/2026) thuận lợi như kỳ vọng. **Thị trường dự kiến sẽ thu hút khoảng 1 tỷ USD từ quỹ đầu tư thụ động** sau khi FTSE Russell đưa Việt Nam vào rổ chỉ số các Thị trường mới nổi sơ cấp (Secondary EM) vào ngày 21/09/2026.

Triển vọng dài hạn: Tiềm năng được tái định giá

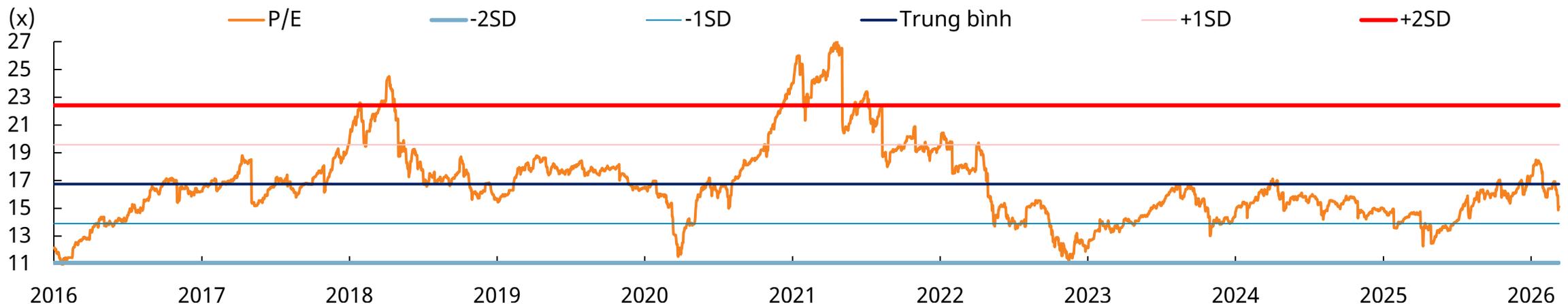
Lộ trình đi đến mục tiêu 2030: Việt Nam đang tiếp tục nỗ lực đáp ứng các tiêu chí nâng hạng lên thị trường mới nổi của MSCI (gồm FOL, CCP, và thị trường FX).

Tiềm năng được tái định giá đến từ các nỗ lực để Việt Nam phát triển thị trường tài chính bền vững xét đến các tiêu chí cấu trúc thị trường, thanh khoản, minh bạch thông tin và tính thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận đầu tư.

Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

- **Định giá hấp dẫn hơn:** Thị trường chứng khoán đã phản ứng mạnh với cú sốc Chiến tranh Trung Đông, với chỉ số VN-Index giảm hơn 8% kể từ đầu tháng 3, đưa chỉ số P/E của thị trường giảm về mức 15 lần – thấp hơn đáng kể so với mức trung bình dài hạn là 17 lần. Tuy vậy, trong ngắn hạn, tâm lý hoảng loạn trước các diễn biến mới của Chiến tranh Trung Đông có thể khiến thị trường giảm mạnh do áp lực bán giải chấp (call margin).
- **Kỳ vọng tăng trưởng được giữ nguyên:** Trong kịch bản lạc quan đã phân tích ở trên, Việt Nam được kỳ vọng có thể thúc đẩy các động lực tăng trưởng bên trong, cân bằng lại với rủi ro bên ngoài. Trong khi đó, rủi ro từ Chiến tranh Trung Đông được kỳ vọng sẽ sớm hạ nhiệt sau 4-5 tuần. Với giả định này, chúng tôi giữ nguyên kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết ở mức 20% và VN-Index có thể sẽ chinh phục mốc 2300 điểm trong năm nay (tại mức định giá P/E hợp lý là 17 lần). Mức tăng trưởng kỳ vọng sẽ được chúng tôi tiếp tục điều chỉnh trong mùa ĐHĐCĐ, phản ánh kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết. Như vậy, trong bối cảnh những rủi ro bên ngoài vẫn hiện hữu và độ biến động trên thị trường tăng, nhà đầu tư nên ưu tiên quản trị tiền mặt một cách chủ động để linh hoạt tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt tại các vùng định giá hợp lý.

VN-Index đang giao dịch ở mức P/E tại 15 lần, so với mức đỉnh P/E các chu kỳ thị trường trong lịch sử là 20+ lần



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 11/03/2026

4

VN100: Các chỉ số định giá chính

| Ngành | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Giá (VNĐ) | | | Biến động giá (%) | | | | Chỉ số định giá (12T gần nhất) | | | Sở hữu khối ngoại | |
|--------------------------|-------------|-------------------|----------------|------------------|-------------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|--------------------------------|------------|-------------|-------------------|--------------|
| | | | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 1 năm | P/E | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%) | Còn lại (%) |
| VN-Index | | 8,276,327 | 1,767.8 | 1,901.2 | 1,158.2 | -2.2 | -6.0 | 0.7 | 34.1 | 15.9 | 2.1 | 14.6 | 14.68 | 28.30 |
| VN30 Index | | 5,722,164 | 1,904.2 | 2,102.8 | 1,208.4 | -2.0 | -7.6 | -2.0 | 38.0 | 14.6 | 2.2 | 16.2 | 18.08 | 17.37 |
| VN100 Index | | 7,181,683 | 1,817.7 | 1,979.5 | 1,188.9 | -1.8 | -6.7 | 0.0 | 32.3 | 14.0 | 1.9 | 14.7 | 16.26 | 23.74 |
| VNDiamond Index | | 1,716,988 | 2,539.5 | 2,795.1 | 1,894.2 | -1.6 | -8.3 | -3.4 | 10.7 | 11.9 | 1.9 | 16.3 | 26.16 | 3.51 |
| Ngân hàng | | | | | | | | | | | | | | |
| | VCB | 514,710 | 61,600 | 76,000 | 55,600 | -1.4 | -5.1 | -5.4 | -1.5 | 14.6 | 2.3 | 16.6 | 20.57 | 9.43 |
| | BID | 305,780 | 43,550 | 54,500 | 33,550 | -1.9 | -9.1 | -15.3 | 6.7 | 10.2 | 1.8 | 19.5 | 17.34 | 12.66 |
| | CTG | 276,892 | 35,650 | 41,550 | 25,132 | -1.5 | -6.8 | -4.7 | 23.8 | 8.0 | 1.6 | 21.2 | 25.31 | 4.69 |
| | TCB | 222,862 | 31,450 | 41,650 | 24,150 | -2.3 | -13.2 | -9.1 | 13.5 | 8.8 | 1.3 | 16.0 | 22.52 | 0.02 |
| | VPB | 211,439 | 26,650 | 38,250 | 16,450 | -1.3 | -7.9 | -0.6 | 39.2 | 8.8 | 1.3 | 15.5 | 24.97 | 5.03 |
| | MBB | 215,068 | 26,700 | 29,500 | 15,985 | -1.3 | -6.3 | -2.4 | 46.2 | 8.0 | 1.6 | 21.6 | 23.22 | 0.02 |
| | HDB | 129,637 | 25,900 | 29,700 | 15,036 | -0.2 | -7.3 | -2.3 | 45.7 | 7.3 | 1.7 | 25.4 | 22.84 | 4.16 |
| | LPB | 126,213 | 42,250 | 53,700 | 29,000 | -1.4 | -1.9 | 0.8 | 18.8 | 11.1 | 2.7 | 25.2 | 0.75 | 4.25 |
| | ACB | 119,684 | 23,300 | 29,400 | 19,565 | -1.1 | -5.1 | 1.3 | 1.5 | 7.7 | 1.3 | 17.6 | 27.10 | 2.90 |
| | STB | 120,277 | 63,800 | 67,200 | 34,100 | -1.7 | -2.6 | 3.7 | 61.5 | 20.3 | 2.0 | 10.3 | 14.33 | 15.67 |
| | SHB | 70,743 | 15,400 | 19,100 | 8,832 | 1.0 | -3.4 | 0.3 | 74.0 | 5.9 | 1.0 | 19.1 | 3.32 | 26.68 |
| | VIB | 56,847 | 16,700 | 24,800 | 15,175 | -0.9 | -3.5 | 0.0 | -9.1 | 7.8 | 1.2 | 16.4 | 4.72 | 0.27 |
| | SSB | 48,365 | 17,000 | 23,800 | 16,550 | 0.0 | 0.6 | 1.2 | -12.6 | 9.0 | 1.2 | 14.2 | 0.13 | 4.87 |
| | TPB | 46,743 | 16,850 | 21,714 | 11,810 | -1.2 | -8.4 | 0.3 | 9.2 | 6.3 | 1.1 | 18.5 | 24.77 | 5.23 |
| | EIB | 41,073 | 22,050 | 30,900 | 16,900 | -1.3 | -5.8 | 7.0 | -0.7 | 36.1 | 1.6 | 4.4 | 3.63 | 26.34 |
| | MSB | 36,192 | 11,600 | 15,625 | 8,750 | 0.0 | -4.9 | -3.3 | 21.6 | 6.4 | 0.9 | 14.2 | 29.07 | 0.93 |
| | OCB | 29,693 | 11,150 | 15,400 | 9,093 | -0.4 | -4.3 | -3.5 | 6.1 | 7.4 | 0.9 | 12.3 | 19.58 | 2.42 |
| | NAB | 23,419 | 13,650 | 17,000 | 12,080 | 0.0 | -2.5 | -2.5 | 0.4 | 5.6 | 1.0 | 19.6 | 1.40 | 28.60 |
| Dịch vụ tài chính | | | | | | | | | | | | | | |
| | SSI | 78,470 | 31,500 | 40,214 | 20,403 | -6.0 | -2.8 | 5.4 | 28.6 | 16.5 | 2.0 | 14.0 | 32.58 | 67.42 |
| | VIX | 43,248 | 17,650 | 33,907 | 9,048 | 1.9 | -7.1 | -1.4 | 85.2 | 5.9 | 1.5 | 28.9 | 8.00 | 92.00 |
| | VND | 27,630 | 18,150 | 27,350 | 13,650 | -4.0 | -2.9 | 2.8 | 31.5 | 13.7 | 1.3 | 10.0 | 11.18 | 88.82 |
| | VCI | 32,304 | 38,000 | 49,450 | 32,700 | -6.2 | -1.3 | 10.9 | -1.3 | 20.4 | 1.5 | 8.7 | 18.53 | 81.47 |
| | HCM | 25,217 | 23,350 | 30,400 | 19,675 | -4.7 | -3.7 | 3.8 | -9.8 | 20.0 | 1.7 | 9.4 | 34.27 | 14.73 |
| | FTS | 10,326 | 29,800 | 46,727 | 29,750 | -6.7 | -8.6 | -6.4 | -35.7 | 25.7 | 2.3 | 9.3 | 24.89 | 75.11 |
| | DSE | 10,406 | 24,300 | 31,225 | 18,910 | -0.2 | 0.8 | 3.8 | 4.3 | 32.7 | 2.1 | 6.5 | 11.18 | 88.82 |
| | BSI | 9,275 | 37,800 | 56,000 | 37,050 | -3.4 | -2.8 | 0.8 | -26.3 | 18.8 | 1.7 | 9.4 | 35.51 | 64.49 |
| | EVF | 10,344 | 13,600 | 16,500 | 8,450 | 1.5 | -1.4 | 19.3 | 25.9 | 12.1 | 1.0 | 9.0 | 0.72 | 14.28 |
| | CTS | 6,487 | 30,500 | 46,500 | 22,273 | -4.8 | -3.9 | 1.7 | 10.1 | 10.3 | 2.3 | 22.6 | 0.54 | 48.46 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 06/03/2026. Lưu ý: Các mã cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4

VN100: Các chỉ số định giá chính

| Ngành | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Giá (VNĐ) | | | Biến động giá (%) | | | | Chỉ số định giá (12T gần nhất) | | | Sở hữu khối ngoại | |
|------------------------|-------------|-------------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|--------|---------|-------|--------------------------------|-----|---------|-------------------|-------------|
| | | | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 1 năm | P/E | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%) | Còn lại (%) |
| Bảo hiểm | BVH | 56,862 | 76,600 | 84,200 | 42,700 | 0.8 | -5.5 | -1.8 | 32.8 | 19.1 | 2.3 | 12.6 | 27.31 | 21.69 |
| Bất động sản | VIC | 1,205,994 | 156,500 | 180,200 | 21,125 | -5.0 | -9.0 | 19.5 | 639.1 | 87.6 | 8.0 | 9.4 | 2.77 | 45.25 |
| | VHM | 390,204 | 95,000 | 142,800 | 43,300 | 0.0 | -12.0 | -2.6 | 117.9 | 9.5 | 1.7 | 18.7 | 7.96 | 42.04 |
| | VPL | 137,546 | 76,700 | 109,100 | 70,900 | 1.6 | -8.1 | -7.6 | 0.0 | N/A | 3.8 | N/A | 0.99 | 48.01 |
| | VRE | 59,648 | 26,250 | 43,550 | 17,450 | -2.8 | -9.6 | -6.4 | 47.1 | 9.3 | 1.2 | 14.3 | 11.56 | 37.44 |
| | KBC | 30,230 | 32,100 | 43,100 | 21,800 | -3.0 | -9.3 | -6.1 | 5.4 | 13.0 | 1.2 | 9.9 | 11.08 | 37.92 |
| | KDH | 28,841 | 25,700 | 37,500 | 22,091 | -3.9 | -5.7 | 1.2 | -15.7 | 29.3 | 1.6 | 5.5 | 29.15 | 20.85 |
| | PDR | 15,566 | 15,600 | 27,200 | 13,935 | -0.3 | -4.9 | -8.2 | -15.8 | 30.1 | 1.3 | 4.4 | 6.59 | 43.41 |
| | VPI | 18,307 | 57,200 | 62,300 | 48,000 | -1.0 | -2.2 | 0.7 | -1.7 | 46.6 | 3.5 | 7.8 | 9.64 | 39.36 |
| | DXG | 15,685 | 14,100 | 24,200 | 11,368 | 0.0 | -6.6 | -1.4 | 0.9 | 61.1 | 1.1 | 1.9 | 20.90 | 29.10 |
| | SJS | 15,141 | 50,900 | 79,000 | 32,819 | -1.5 | -1.5 | 2.0 | 22.1 | 42.4 | 4.7 | 9.8 | 0.58 | 49.42 |
| | SIP | 14,115 | 58,300 | 79,913 | 50,700 | 0.5 | -6.3 | -2.8 | -26.3 | 10.7 | 2.7 | 27.0 | 2.76 | 46.24 |
| | NLG | 12,615 | 26,000 | 43,159 | 23,825 | 1.6 | -6.6 | -3.9 | -14.1 | 17.8 | 1.0 | 5.9 | 40.73 | 9.27 |
| | HDG | 10,303 | 27,850 | 36,200 | 18,773 | -1.6 | 2.0 | 6.7 | 10.6 | 14.6 | 1.5 | 10.9 | 19.24 | 30.76 |
| | KOS | 7,837 | 36,200 | 42,150 | 36,200 | -0.5 | -0.3 | -5.2 | -8.2 | 416.0 | 3.4 | 0.8 | 0.14 | 48.86 |
| | BCM | 60,651 | 58,600 | 80,000 | 53,800 | -0.7 | -12.9 | -10.5 | -22.1 | 17.6 | 2.7 | 16.5 | 1.04 | 32.96 |
| | NVL | 25,110 | 11,250 | 19,050 | 8,910 | 0.9 | -8.5 | -7.8 | 8.7 | 14.1 | 0.6 | 4.1 | 6.85 | 42.15 |
| | HDC | 3,715 | 18,600 | 37,768 | 18,450 | 0.3 | -11.0 | -11.6 | -18.5 | 5.8 | 1.3 | 24.9 | 1.55 | 47.45 |
| | DXS | 3,718 | 6,420 | 13,950 | 5,660 | -1.4 | -10.3 | -7.8 | -11.4 | 11.0 | 0.6 | 5.5 | 7.12 | 42.88 |
| Nguyên vật liệu | HPG | 209,156 | 27,250 | 30,100 | 19,583 | 0.0 | -5.4 | 1.7 | 17.0 | 13.5 | 1.6 | 12.7 | 22.39 | 26.61 |
| | GVR | 151,000 | 37,750 | 42,300 | 23,300 | -6.9 | -5.6 | -3.2 | 11.0 | 27.4 | 2.7 | 10.1 | 0.71 | 12.29 |
| | DGC | 27,762 | 73,100 | 111,900 | 60,100 | 3.0 | -0.9 | 11.9 | -34.2 | 9.8 | 1.8 | 20.0 | 7.96 | 41.04 |
| | DCM | 26,205 | 49,500 | 50,000 | 27,900 | 3.8 | 15.3 | 27.6 | 40.8 | 15.5 | 2.4 | 16.2 | 7.16 | 41.84 |
| | DPM | 21,180 | 31,150 | 31,500 | 17,612 | 2.1 | 12.9 | 26.1 | 48.5 | 20.7 | 1.9 | 9.6 | 5.91 | 44.09 |
| | HSG | 9,191 | 14,800 | 21,100 | 13,350 | -1.3 | -8.4 | -5.1 | -21.9 | 14.5 | 0.8 | 5.6 | 4.20 | 44.80 |
| | PHR | 8,293 | 61,200 | 69,500 | 42,800 | -1.3 | -3.0 | 4.1 | -5.7 | 17.5 | 2.0 | 13.2 | 13.34 | 35.66 |
| | NKG | 6,490 | 14,500 | 20,400 | 11,750 | -1.4 | -8.2 | -1.0 | -9.9 | 32.9 | 0.9 | 2.9 | 5.48 | 44.52 |
| | HT1 | 6,525 | 17,100 | 18,500 | 10,100 | -2.3 | 0.3 | 11.8 | 36.3 | 23.8 | 1.3 | 5.5 | 2.36 | 46.64 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 06/03/2026. Lưu ý: Các mã cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

| Ngành | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Giá (VNĐ) | | | Biến động giá (%) | | | | Chỉ số định giá (12T gần nhất) | | | Sở hữu khối ngoại | |
|-----------------|-------------|-------------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|--------|---------|-------|--------------------------------|------|---------|-------------------|-------------|
| | | | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 1 năm | P/E | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%) | Còn lại (%) |
| Xây dựng cơ bản | GEE | 59,841 | 163,500 | 245,800 | 51,583 | -0.9 | -13.0 | -0.9 | 196.8 | 18.0 | 8.0 | 48.6 | 0.60 | 49.40 |
| | REE | 33,583 | 62,000 | 70,000 | 53,478 | -2.4 | 0.3 | 1.1 | -3.3 | 13.3 | 1.6 | 12.7 | 49.00 | 0.00 |
| | GEX | 32,125 | 35,600 | 65,700 | 20,238 | -1.0 | -10.0 | 3.9 | 59.7 | 21.7 | 1.8 | 9.3 | 7.64 | 42.36 |
| | VGC | 20,624 | 46,000 | 66,600 | 36,500 | -2.7 | -10.2 | -13.2 | -9.3 | 14.7 | 2.4 | 16.5 | 2.59 | 46.41 |
| | TCH | 12,587 | 13,800 | 24,571 | 12,520 | -1.1 | -9.2 | -6.1 | -3.8 | 36.0 | 1.1 | 5.5 | 10.04 | 40.96 |
| | BMP | 12,361 | 151,000 | 184,200 | 105,500 | -0.7 | -4.7 | -2.9 | 19.9 | 10.1 | 4.3 | 44.0 | 83.52 | 16.48 |
| | VCG | 12,962 | 20,050 | 28,600 | 17,870 | 1.8 | 4.7 | 10.2 | -1.6 | 3.3 | 1.1 | 39.8 | 3.12 | 45.88 |
| | CII | 10,920 | 16,250 | 31,350 | 9,825 | 0.3 | -7.9 | -5.0 | 31.4 | 80.8 | 1.1 | 0.4 | 4.91 | 35.09 |
| | CTR | 9,666 | 84,500 | 121,200 | 79,600 | -2.9 | -11.3 | -10.1 | -29.5 | 16.1 | 4.7 | 30.5 | 5.46 | 43.54 |
| | DIG | 10,792 | 13,550 | 25,100 | 12,667 | -1.5 | -9.4 | -11.4 | -21.6 | 15.5 | 0.9 | 7.5 | 2.34 | 46.66 |
| | PC1 | 11,578 | 28,150 | 30,150 | 17,087 | -2.9 | -6.6 | 14.0 | 36.9 | 12.5 | 1.8 | 15.4 | 16.00 | 34.00 |
| | CTD | 8,605 | 80,800 | 98,571 | 65,238 | 0.2 | -8.8 | 0.9 | -11.6 | 10.8 | 0.9 | 8.6 | 49.00 | 0.00 |
| | HHV | 5,870 | 11,800 | 16,941 | 9,904 | -1.7 | -5.6 | -2.1 | -0.9 | 9.8 | 0.6 | 5.9 | 10.17 | 38.83 |
| SZC | 5,472 | 30,400 | 46,200 | 28,300 | -3.5 | -11.9 | -13.3 | -33.6 | 15.9 | 1.7 | 10.9 | 4.92 | 15.08 | |
| Tiện ích | GAS | 270,492 | 112,100 | 122,000 | 54,175 | -6.3 | 3.9 | -2.5 | 69.1 | 23.7 | 4.1 | 18.0 | 2.27 | 46.73 |
| | POW | 44,637 | 14,550 | 15,350 | 9,092 | -4.0 | 0.3 | 7.8 | 45.5 | 17.6 | 1.2 | 7.1 | 3.47 | 46.53 |
| | BWE | 9,996 | 45,450 | 53,000 | 38,000 | 0.4 | 1.7 | 4.5 | 1.2 | 12.2 | 1.7 | 14.5 | 3.97 | 45.03 |
| | NT2 | 7,960 | 27,650 | 28,300 | 17,300 | -2.0 | -0.4 | 3.4 | 37.2 | 7.2 | 1.6 | 24.4 | 12.77 | 36.23 |
| | PLX | 78,777 | 62,000 | 67,000 | 33,300 | -4.2 | 7.3 | 8.8 | 42.0 | 33.0 | 3.0 | 10.3 | 15.07 | 4.93 |
| Dầu khí | PVD | 23,514 | 42,300 | 43,100 | 17,150 | 0.1 | 9.6 | 28.8 | 78.5 | 25.7 | 1.4 | 6.3 | 12.14 | 36.86 |
| | BSR | 185,520 | 37,050 | 37,800 | 9,319 | 4.1 | 18.8 | 50.9 | 202.2 | 35.8 | 3.1 | 8.9 | 2.07 | 46.93 |
| | PVT | 14,427 | 30,700 | 30,700 | 14,811 | 7.0 | 27.7 | 46.9 | 55.3 | 13.9 | 1.7 | 12.7 | 11.52 | 37.48 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 06/03/2026. Lưu ý: Các mã cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

| Ngành | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Giá (VNĐ) | | | Biến động giá (%) | | | | Chỉ số định giá (12T gần nhất) | | | Sở hữu khối ngoại | |
|----------------------|-------------|-------------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|--------|---------|-------|--------------------------------|-----|---------|-------------------|-------------|
| | | | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 1 năm | P/E | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%) | Còn lại (%) |
| Thực phẩm và Đồ uống | VNM | 130,413 | 62,400 | 73,000 | 53,800 | -1.3 | -8.5 | -9.7 | -0.8 | 15.5 | 4.3 | 26.7 | 48.48 | 51.52 |
| | MSN | 105,986 | 73,300 | 94,000 | 53,100 | -2.7 | -7.2 | -6.3 | 5.9 | 27.1 | 3.2 | 12.5 | 23.12 | 76.88 |
| | SAB | 58,485 | 45,600 | 53,800 | 42,650 | -0.1 | -5.8 | -6.5 | -11.3 | 13.6 | 2.8 | 19.9 | 58.38 | 41.62 |
| | HAG | 19,708 | 15,550 | 18,400 | 10,750 | -1.9 | -2.5 | -3.4 | 23.9 | 8.3 | 1.5 | 19.4 | 2.05 | 46.95 |
| | SBT | 20,165 | 23,000 | 26,750 | 14,000 | -3.6 | -4.6 | -3.4 | 59.7 | 30.1 | 1.8 | 5.9 | 19.96 | 80.04 |
| | VHC | 13,288 | 59,200 | 71,200 | 47,000 | -2.5 | -3.7 | -1.3 | -16.7 | 9.7 | 1.4 | 15.0 | 20.51 | 79.49 |
| | KDC | 14,577 | 50,300 | 59,000 | 49,650 | -0.2 | -1.9 | -3.5 | -13.3 | 28.0 | 2.0 | 7.6 | 16.20 | 33.80 |
| | DBC | 9,468 | 24,600 | 31,696 | 20,783 | -1.8 | -7.3 | -9.4 | -8.7 | 6.3 | 1.2 | 20.3 | 1.72 | 47.28 |
| | ANV | 6,563 | 24,650 | 33,450 | 13,850 | -3.5 | -8.9 | -9.7 | 41.3 | 6.6 | 1.9 | 31.6 | 3.24 | 45.76 |
| | PAN | 7,019 | 33,600 | 35,300 | 22,100 | -0.1 | 1.8 | 11.3 | 18.5 | 10.4 | 1.3 | 12.9 | 21.27 | 27.73 |
| Bán lẻ | MWG | 121,439 | 82,700 | 93,900 | 50,600 | -2.9 | -11.2 | -6.4 | 33.6 | 17.3 | 3.7 | 23.3 | 47.70 | 1.30 |
| | FRT | 25,647 | 150,600 | 171,000 | 104,800 | -5.3 | -10.9 | -6.1 | 3.4 | 32.3 | 4.9 | 26.1 | 32.50 | 16.50 |
| | DGW | 9,897 | 44,750 | 54,900 | 30,900 | -2.7 | -12.6 | -16.4 | 9.1 | 17.9 | 2.9 | 17.1 | 20.86 | 28.14 |
| Vận tải | VJC | 92,528 | 156,400 | 212,500 | 82,400 | 0.0 | -11.0 | -5.8 | 62.1 | 41.5 | 3.7 | 10.1 | 6.52 | 23.48 |
| | GMD | 33,267 | 78,000 | 85,100 | 43,100 | 0.9 | -7.6 | 9.1 | 27.9 | 21.3 | 2.5 | 12.1 | 40.85 | 8.15 |
| | VTP | 11,886 | 97,600 | 158,900 | 94,400 | -3.0 | -9.0 | -11.8 | -38.3 | 34.1 | 6.7 | 20.8 | 5.36 | 43.64 |
| | VSC | 9,116 | 24,350 | 33,850 | 11,720 | -5.3 | -6.0 | 9.2 | 63.6 | 26.7 | 1.7 | 6.9 | 1.56 | 47.44 |
| | SCS | 5,228 | 55,100 | 75,000 | 51,300 | -2.0 | -3.8 | 2.8 | -26.0 | 7.0 | 3.5 | 53.2 | 10.68 | 19.32 |
| Phần mềm và dịch vụ | FPT | 139,006 | 81,600 | 124,087 | 81,500 | -3.3 | -12.2 | -16.4 | -33.7 | 14.8 | 3.8 | 28.3 | 34.48 | 14.52 |
| | CMG | 7,314 | 31,400 | 41,636 | 27,909 | -1.4 | -9.8 | -9.6 | -22.6 | 18.1 | 2.4 | 13.5 | 38.02 | 11.98 |
| May mặc và trang sức | PNJ | 39,062 | 114,500 | 127,000 | 69,600 | -1.3 | -6.1 | 5.1 | 22.2 | 14.2 | 2.9 | 23.1 | 48.74 | 0.26 |
| Dược phẩm | IMP | 8,301 | 53,900 | 55,700 | 39,200 | -0.7 | -0.2 | -0.4 | 15.7 | 26.8 | 3.6 | 13.6 | 51.04 | 26.92 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 06/03/2026. Lưu ý: Các mã cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.